TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI * Số 1226-QĐ/TU	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 9 năm 2023*

QUY ĐỊNH
mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức đảng trong tỉnh trên mạng máy tính

---

- Căn cứ Quy định số 2222-QĐ/VPTW ngày 18/8/2023 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc ban hành "*mã định danh của các cơ quan đảng trên mạng máy tính"*;

- Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BTTTT ngày 17/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành *"Sửa đổi 1:2022 QCVN 102: 2016/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành"*;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy khóa XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Xét đề nghị của Văn phòng Tỉnh ủy,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức đảng trong tỉnh trên mạng máy tính như sau:

Điều 1. Phạm vi áp dụng và đối tượng

Quy định này áp dụng mã định danh điện tử cho các cơ quan, tổ chức đảng trong tỉnh tham gia trao đổi văn bản điện tử thông qua hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu trên mạng thông tin diện rộng của Đảng và mạng Internet.

Điều 2. Nguyên tắc xác định

Nguyên tắc cấp mã định danh điện tử theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành QCVN 1:2022/BTTTT và Quy định số 2222-QĐ/VPTW ngày 18/8/2023 của Văn phòng Trung ương Đảng quy định mã định danh của các cơ quan đảng trên mạng máy tính.

Điều 3. Mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức đảng trong tỉnh

1. Mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức đảng trong tỉnh là chuỗi ký tự và được chia thành các nhóm ký tự. Các ký tự gồm: dấu chấm (.) và các chữ số từ 0 đến 9. Mỗi nhóm ký tự được sử dụng để xác định các cơ quan, đơn vị; các nhóm ký tự phát triển từ trái qua phải và được phân tách với nhau bằng dấu chấm.

2. Nhóm ký tự thứ nhất, ở vị trí ngoài cùng bên trái trong Mã định danh điện tử để xác định các cơ quan cấp 1 (gọi là Mã cấp 1). Mã cấp 1 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi là **A48**.

3. Nhóm ký tự thứ hai, ở vị trí bên phải của nhóm ký tự thứ nhất trong Mã định danh điện tử để xác định các cơ quan cấp 2 (gọi là Mã cấp 2). Mã cấp 2 là Mã định danh điện tử của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các huyện ủy, thị ủy, thành ủy; các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy. Mã cấp 2 có dạng Y, trong đó: Y nhận giá trị từ 01 đến 99.

4. Nhóm ký tự thứ ba, ở vị trí bên phải của nhóm ký thứ thứ hai trong Mã định danh điện tử để xác định các cơ quan cấp 3 (gọi là Mã cấp 3). Mã cấp 3 là Mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị trực thuộc các cơ quan cấp 2. Mã cấp 3 có dạng Z, trong đó: Z nhận giá trị từ 01 đến 99.

5. Nhóm ký tự thứ tư, ở vị trí bên phải của nhóm ký thứ thứ ba trong Mã định danh điện tử để xác định các cơ quan cấp 4 (gọi là Mã cấp 4). Mã cấp 4 là Mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị trực thuộc các cơ quan cấp 3. Mã cấp 4 có dạng V, trong đó: V nhận giá trị từ 01 đến 99.

Mã định danh điện tử của các cơ quan cấp 2 và cấp 3 được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Mã định danh điện tử theo Điều 3 của Quy định này được sử dụng để trao đổi văn bản điện tử của các cơ quan, tổ chức đảng trong tỉnh thông qua hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp chia tách, sáp nhập, đổi tên hoặc thành lập mới các cơ quan, đơn vị trực thuộc cơ quan cấp 2 cần báo cáo Văn phòng Tỉnh ủy để tổng hợp, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét cấp mã định danh điện tử theo quy định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy định số 1893-QĐ/TU ngày 13/4/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các huyện ủy, thị ủy, thành ủy; các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 5,
- Văn phòng Trung ương Đảng (báo cáo),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Ngãi,
- VPTU: CVP, PCVP, Phòng CY-CNTT,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Tỉnh ủy Quảng Ngãi
29-09-2023 15:30:38 +07:00

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI

Đặng Ngọc Huy

PHỤ LỤC

danh sách mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức đảng trong tỉnh

(*ban hành kèm theo Quy định số 1226-QĐ/TU ngày 29/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi*)

A. MÃ ĐỊNH DANH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP 2: Y

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
I	**Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy**	
1	Văn Phòng Tỉnh ủy	A48.01
2	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	A48.02
3	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	A48.03
4	Ban Dân vận Tỉnh ủy	A48.04
5	Ban Nội chính Tỉnh ủy	A48.05
6	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	A48.06
7	*07 dự phòng*	
II	**Các đảng ủy, cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy**	
1	Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh	A48.08
2	Trường Chính trị tỉnh	A48.10
3	Báo Quảng Ngãi	A48.11
4	Đảng ủy Công an tỉnh	A48.12
5	Đảng ủy Quân sự tỉnh	A48.13
6	Đảng ủy Bộ đội Biên phòng tỉnh	A48.14
7	Ban Bảo vệ, Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	A48.15
8	*09 và từ 16 đến 30 dự phòng*	
III	**Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy**	
1	Huyện ủy Ba Tơ	A48.31
2	Huyện ủy Bình Sơn	A48.32
3	Thị ủy Đức Phổ	A48.33
4	Huyện ủy Lý Sơn	A48.34
5	Huyện ủy Minh Long	A48.35
6	Huyện ủy Mộ Đức	A48.36

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
7	Huyện ủy Nghĩa Hành	A48.37
8	Thành ủy Quảng Ngãi	A48.38
9	Huyện ủy Sơn Hà	A48.39
10	Huyện ủy Sơn Tây	A48.40
11	Huyện ủy Sơn Tịnh	A48.41
12	Huyện ủy Trà Bồng	A48.42
13	Huyện ủy Tư Nghĩa	A48.43
14	*Từ 44 đến 99 dự phòng*	

B. MÃ ĐỊNH DANH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP 3: Z

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
I	**HUYỆN ỦY BA TƠ**	
1	**Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy**	
1.1	Văn phòng	A48.31.01
1.2	Ban Tổ chức	A48.31.02
1.3	Ban Tuyên giáo	A48.31.03
1.4	Ban Dân vận	A48.31.04
1.5	Ủy ban Kiểm tra	A48.31.05
1.6	*Từ 06 đến 20 dự phòng*	
2	**Các đảng ủy xã, thị trấn**	
2.1	Đảng ủy xã Ba Bích	A48.31.21
2.2	Đảng ủy xã Ba Cung	A48.31.22
2.3	Đảng ủy xã Ba Điền	A48.31.23
2.4	Đảng ủy xã Ba Dinh	A48.31.24
2.5	Đảng ủy xã Ba Động	A48.31.25
2.6	Đảng ủy xã Ba Giang	A48.31.26
2.7	Đảng ủy xã Ba Khâm	A48.31.27
2.8	Đảng ủy xã Ba Lế	A48.31.28
2.9	Đảng ủy xã Ba Liên	A48.31.29

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
2.10	Đảng ủy xã Ba Nam	A48.31.30
2.11	Đảng ủy xã Ba Ngạc	A48.31.31
2.12	Đảng ủy xã Ba Thành	A48.31.32
2.13	Đảng ủy xã Ba Tiêu	A48.31.33
2.14	Đảng ủy xã Ba Tô	A48.31.34
2.15	Đảng ủy xã Ba Trang	A48.31.35
2.16	Đảng ủy xã Ba Vì	A48.31.36
2.17	Đảng ủy xã Ba Vinh	A48.31.37
2.18	Đảng ủy xã Ba Xa	A48.31.38
2.19	Đảng ủy Thị trấn Ba Tơ	A48.31.39
2.20	*Từ 40 đến 99 dự phòng*	
II	**Huyện ủy Bình Sơn**	
1	**Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy**	
1.1	Văn phòng	A48.32.01
1.2	Ban Tổ chức	A48.32.02
1.3	Ban Tuyên giáo	A48.32.03
1.4	Ban Dân vận	A48.32.04
1.5	Ủy ban Kiểm tra	A48.32.05
1.6	*Từ 06 đến 20 dự phòng*	
2	**Các đảng ủy xã, thị trấn**	
2.1	Đảng ủy xã Bình An	A48.32.21
2.2	Đảng ủy xã Bình Chánh	A48.32.22
2.3	Đảng ủy xã Bình Châu	A48.32.23
2.4	Đảng ủy xã Bình Chương	A48.32.24
2.5	Đảng ủy xã Bình Đông	A48.32.25
2.6	Đảng ủy xã Bình Dương	A48.32.26
2.7	Đảng ủy xã Bình Hải	A48.32.27
2.8	Đảng ủy xã Bình Hiệp	A48.32.28
2.9	Đảng ủy xã Bình Hòa	A48.32.29

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
2.10	Đảng ủy xã Bình Khương	A48.32.30
2.11	Đảng ủy xã Bình Long	A48.32.31
2.12	Đảng ủy xã Bình Minh	A48.32.32
2.13	Đảng ủy xã Bình Mỹ	A48.32.33
2.14	Đảng ủy xã Bình Nguyên	A48.32.34
2.15	Đảng ủy xã Bình Phước	A48.32.35
2.16	Đảng ủy xã Bình Thanh	A48.32.36
2.17	Đảng ủy xã Bình Tân Phú	A48.32.37
2.18	Đảng ủy xã Bình Thạnh	A48.32.38
2.19	Đảng ủy xã Bình Thuận	A48.32.39
2.20	Đảng ủy xã Bình Trị	A48.32.40
2.21	Đảng ủy xã Bình Trung	A48.32.41
2.22	Đảng ủy Thị trấn Châu Ổ	A48.32.42
2.23	*Từ 43 đến 99 dự phòng*	
III	**Thị ủy Đức Phổ**	
1	**Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thị ủy**	
1.1	Văn phòng	A48.33.01
1.2	Ban Tổ chức	A48.33.02
1.3	Ban Tuyên giáo	A48.33.03
1.4	Ban Dân vận	A48.33.04
1.5	Ủy ban Kiểm tra	A48.33.05
1.6	*Từ 06 đến 20 dự phòng*	
2	**Các đảng ủy xã, phường**	
2.1	Đảng ủy phường Nguyễn Nghiêm	A48.33.21
2.2	Đảng ủy phường Phổ Hòa	A48.33.22
2.3	Đảng ủy phường Phổ Minh	A48.33.23
2.4	Đảng ủy phường Phổ Ninh	A48.33.24
2.5	Đảng ủy phường Phổ Quang	A48.33.25
2.6	Đảng ủy phường Phổ Thạnh	A48.33.26

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
2.7	Đảng ủy phường Phổ Văn	A48.33.27
2.8	Đảng ủy phường Phổ Vinh	A48.33.28
2.9	Đảng ủy xã Phổ An	A48.33.29
2.10	Đảng ủy xã Phổ Châu	A48.33.30
2.11	Đảng ủy xã Phổ Cường	A48.33.31
2.12	Đảng ủy xã Phổ Khánh	A48.33.32
2.13	Đảng ủy xã Phổ Nhơn	A48.33.33
2.14	Đảng ủy xã Phổ Phong	A48.33.34
2.15	Đảng ủy xã Phổ Thuận	A48.33.35
2.16	*Từ 36 đến 99 dự phòng*	
IV	**Huyện ủy Lý Sơn**	
1	Văn phòng	A48.34.01
2	Ban Tổ chức	A48.34.02
3	Ban Tuyên giáo	A48.34.03
4	Ban Dân vận	A48.34.04
5	Ủy ban Kiểm tra	A48.34.05
6	*Từ 06 đến 99 dự phòng*	
V	**Huyện ủy Minh Long**	
1	**Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy**	
1.1	Văn phòng	A48.35.01
1.2	Ban Tổ chức	A48.35.02
1.3	Ban Tuyên giáo	A48.35.03
1.4	Ban Dân vận	A48.35.04
1.5	Ủy ban Kiểm tra	A48.35.05
1.6	*Từ 06 đến 20 dự phòng*	
2	**Các đảng ủy xã**	
2.1	Đảng ủy xã Long Hiệp	A48.35.21
2.2	Đảng ủy xã Long Mai	A48.35.22
2.3	Đảng ủy xã Long Môn	A48.35.23

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
2.4	Đảng ủy xã Long Sơn	A48.35.24
2.5	Đảng ủy xã Thanh An	A48.35.25
2.6	*Từ 26 đến 99 dự phòng*	
VI	**Huyện ủy Mộ Đức**	
1	**Các cơ quan tham mưu, giúp việc**	
1.1	Văn phòng	A48.36.01
1.2	Ban Tổ chức	A48.36.02
1.3	Ban Tuyên giáo	A48.36.03
1.4	Ban Dân vận	A48.36.04
1.5	Ủy ban Kiểm tra	A48.36.05
1.6	*Từ 06 đến 20 dự phòng*	
2	**Các đảng ủy xã, thị trấn**	
2.1	Đảng ủy xã Đức Chánh	A48.36.21
2.2	Đảng ủy xã Đức Hiệp	A48.36.22
2.3	Đảng ủy xã Đức Hòa	A48.36.23
2.4	Đảng ủy xã Đức Lân	A48.36.24
2.5	Đảng ủy xã Đức Lợi	A48.36.25
2.6	Đảng ủy xã Đức Minh	A48.36.26
2.7	Đảng ủy xã Đức Nhuận	A48.36.27
2.8	Đảng ủy xã Đức Phong	A48.36.28
2.9	Đảng ủy xã Đức Phú	A48.36.29
2.10	Đảng ủy xã Đức Tân	A48.36.30
2.11	Đảng ủy xã Đức Thắng	A48.36.31
2.12	Đảng ủy xã Đức Thạnh	A48.36.32
2.13	Đảng ủy Thị trấn Mộ Đức	A48.36.33
2.14	*Từ 34 đến 99 dự phòng*	
VII	**Huyện ủy Nghĩa Hành**	
1	**Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy**	
1.1	Văn phòng	A48.37.01

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1.2	Ban Tổ chức	A48.37.02
1.3	Ban Tuyên giáo	A48.37.03
1.4	Ban Dân vận	A48.37.04
1.5	Ủy ban Kiểm tra	A48.37.05
1.6	*Từ 06 đến 20 dự phòng*	
2	**Các đảng ủy xã, thị trấn**	
2.1	Đảng ủy xã Hành Đức	A48.37.21
2.2	Đảng ủy xã Hành Dũng	A48.37.22
2.3	Đảng ủy xã Hành Minh	A48.37.23
2.4	Đảng ủy xã Hành Nhân	A48.37.24
2.5	Đảng ủy xã Hành Phước	A48.37.25
2.6	Đảng ủy xã Hành Thiện	A48.37.26
2.7	Đảng ủy xã Hành Thịnh	A48.37.27
2.8	Đảng ủy xã Hành Thuận	A48.37.28
2.9	Đảng ủy xã Hành Tín Đông	A48.37.29
2.10	Đảng ủy xã Hành Tín Tây	A48.37.30
2.11	Đảng ủy xã Hành Trung	A48.37.31
2.12	Đảng ủy Thị trấn Chợ Chùa	A48.37.32
2.13	*Từ 33 đến 99 dự phòng*	
VIII	**Thành ủy Quảng Ngãi**	
1	**Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy**	
1.1	Văn phòng	A48.38.01
1.2	Ban Tổ chức	A48.38.02
1.3	Ban Tuyên giáo	A48.38.03
1.4	Ban Dân vận	A48.38.04
1.5	Ủy ban Kiểm tra	A48.38.05
1.6	*Từ 06 đến 20 dự phòng*	
2	**Các đảng xã, phường**	
2.1	Đảng ủy phường Chánh Lộ	A48.38.21

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
2.2	Đảng ủy phường Lê Hồng Phong	A48.38.22
2.3	Đảng ủy phường Nghĩa Chánh	A48.38.23
2.4	Đảng ủy phường Nghĩa Lộ	A48.38.24
2.5	Đảng ủy phường Nguyễn Nghiêm	A48.38.25
2.6	Đảng ủy phường Quảng Phú	A48.38.26
2.7	Đảng ủy phường Trần Hưng Đạo	A48.38.27
2.8	Đảng ủy phường Trần Phú	A48.38.28
2.9	Đảng ủy phường Trương Quang Trọng	A48.38.29
2.10	Đảng ủy xã Nghĩa An	A48.38.30
2.11	Đảng ủy xã Nghĩa Dõng	A48.38.31
2.12	Đảng ủy xã Nghĩa Dũng	A48.38.32
2.13	Đảng ủy xã Nghĩa Hà	A48.38.33
2.14	Đảng ủy xã Nghĩa Phú	A48.38.34
2.15	Đảng ủy xã Tịnh An	A48.38.35
2.16	Đảng ủy xã Tịnh Ấn Đông	A48.38.36
2.17	Đảng ủy xã Tịnh Ấn Tây	A48.38.37
2.18	Đảng ủy xã Tịnh Châu	A48.38.38
2.19	Đảng ủy xã Tịnh Hoà	A48.38.39
2.20	Đảng ủy xã Tịnh Khê	A48.38.40
2.21	Đảng ủy xã Tịnh Kỳ	A48.38.41
2.22	Đảng ủy xã Tịnh Long	A48.38.42
2.23	Đảng ủy xã Tịnh Thiện	A48.38.43
2.24	*Từ 44 đến 99 dự phòng*	
IX	**Huyện ủy Sơn Hà**	
1	**Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy**	
1.1	Văn phòng	A48.39.01
1.2	Ban Tổ chức	A48.39.02
1.3	Ban Tuyên giáo	A48.39.03
1.4	Ban Dân vận	A48.39.04

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1.5	Ủy ban Kiểm tra	A48.39.05
1.6	*Từ 06 đến 20 dự phòng*	
2	**Các đảng ủy xã, thị trấn**	
2.1	Đảng ủy xã Sơn Ba	A48.39.21
2.2	Đảng ủy xã Sơn Bao	A48.39.22
2.3	Đảng ủy xã Sơn Cao	A48.39.23
2.4	Đảng ủy xã Sơn Giang	A48.39.24
2.5	Đảng ủy xã Sơn Hạ	A48.39.25
2.6	Đảng ủy xã Sơn Hải	A48.39.26
2.7	Đảng ủy xã Sơn Kỳ	A48.39.27
2.8	Đảng ủy xã Sơn Linh	A48.39.28
2.9	Đảng ủy xã Sơn Nham	A48.39.29
2.10	Đảng ủy xã Sơn Thành	A48.39.30
2.11	Đảng ủy xã Sơn Thượng	A48.39.31
2.12	Đảng ủy xã Sơn Thủy	A48.39.32
2.13	Đảng ủy xã Sơn Trung	A48.39.33
2.14	Đảng ủy Thị trấn Di lăng	A48.39.34
2.15	*Từ 35 đến 99 dự phòng*	
X	**Huyện ủy Sơn Tây**	
1	**Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy**	
1.1	Văn phòng	A48.40.01
1.2	Ban Tổ chức	A48.40.02
1.3	Ban Tuyên giáo	A48.40.03
1.4	Ban Dân vận	A48.40.04
1.5	Ủy ban Kiểm tra	A48.40.05
1.6	*Từ 06 đến 20 dự phòng*	
2	**Các đảng ủy xã**	
2.1	Đảng ủy xã Sơn Bua	A48.40.21
2.2	Đảng ủy xã Sơn Dung	A48.40.22

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
2.3	Đảng ủy xã Sơn Lập	A48.40.23
2.4	Đảng ủy xã Sơn Liên	A48.40.24
2.5	Đảng ủy xã Sơn Long	A48.40.25
2.6	Đảng ủy xã Sơn Màu	A48.40.26
2.7	Đảng ủy xã Sơn Mùa	A48.40.27
2.8	Đảng ủy xã Sơn Tân	A48.40.28
2.9	Đảng ủy xã Sơn Tinh	A48.40.29
2.10	*Từ 30 đến 99 dự phòng*	
XI	**Huyện ủy Sơn Tịnh**	
1	**Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy**	
1.1	Văn phòng	A48.41.01
1.2	Ban Tổ chức	A48.41.02
1.3	Ban Tuyên giáo	A48.41.03
1.4	Ban Dân vận	A48.41.04
1.5	Ủy ban Kiểm tra	A48.41.05
1.6	*Từ 06 đến 20 dự phòng*	
2	**Các đảng ủy xã**	
2.1	Đảng ủy xã Tịnh Bắc	A48.41.21
2.2	Đảng ủy xã Tịnh Bình	A48.41.22
2.3	Đảng ủy xã Tịnh Đông	A48.41.23
2.4	Đảng ủy xã Tịnh Giang	A48.41.24
2.5	Đảng ủy xã Tịnh Hà	A48.41.25
2.6	Đảng ủy xã Tịnh Hiệp	A48.41.26
2.7	Đảng ủy xã Tịnh Minh	A48.41.27
2.8	Đảng ủy xã Tịnh Phong	A48.41.28
2.9	Đảng ủy xã Tịnh Sơn	A48.41.29
2.10	Đảng ủy xã Tịnh Thọ	A48.41.30
2.11	Đảng ủy xã Tịnh Trà	A48.41.31
2.12	*Từ 32 đến 99 dự phòng*	

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
XII	**Huyện ủy Trà Bồng**	
1	**Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy**	
1.1	Văn phòng	A48.42.01
1.2	Ban Tổ chức	A48.42.02
1.3	Ban Tuyên giáo	A48.42.03
1.4	Ban Dân vận	A48.42.04
1.5	Ủy ban Kiểm tra	A48.42.05
1.6	*Từ 06 đến 20 dự phòng*	
2	**Các đảng ủy xã, thị trấn**	
2.1	Đảng ủy xã Hương Trà	A48.42.21
2.2	Đảng ủy xã Sơn Trà	A48.42.22
2.3	Đảng ủy xã Trà Bình	A48.42.23
2.4	Đảng ủy xã Trà Bùi	A48.42.24
2.5	Đảng ủy xã Trà Giang	A48.42.25
2.6	Đảng ủy xã Trà Hiệp	A48.42.26
2.7	Đảng ủy xã Trà Lâm	A48.42.27
2.8	Đảng ủy xã Trà Phong	A48.42.28
2.9	Đảng ủy xã Trà Phú	A48.42.29
2.10	Đảng ủy xã Trà Sơn	A48.42.30
2.11	Đảng ủy xã Trà Tân	A48.42.31
2.12	Đảng ủy xã Trà Tây	A48.42.32
2.13	Đảng ủy xã Trà Thanh	A48.42.33
2.14	Đảng ủy xã Trà Thủy	A48.42.34
2.15	Đảng ủy xã Trà Xinh	A48.42.35
2.16	Đảng ủy Thị trấn Trà Xuân	A48.42.36
2.17	*Từ 37 đến 99 dự phòng*	
XIII	**Huyện ủy Tư Nghĩa**	
1	**Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy**	
1.1	Văn phòng	A48.43.01

STT	Tên đơn vị	Mã định danh
1.2	Ban Tổ chức	A48.43.02
1.3	Ban Tuyên giáo	A48.43.03
1.4	Ban Dân vận	A48.43.04
1.5	Ủy ban Kiểm tra	A48.43.05
1.6	*Từ 06 đến 20 dự phòng*	
2	**Các đảng ủy xã, thị trấn**	
2.1	Đảng ủy Xã Nghĩa Điền	A48.43.21
2.2	Đảng ủy xã Nghĩa Hiệp	A48.43.22
2.3	Đảng ủy xã Nghĩa Hòa	A48.43.23
2.4	Đảng ủy xã Nghĩa Kỳ	A48.43.24
2.5	Đảng ủy xã Nghĩa Lâm	A48.43.25
2.6	Đảng ủy xã Nghĩa Mỹ	A48.43.26
2.7	Đảng ủy xã Nghĩa Phương	A48.43.27
2.8	Đảng ủy xã Nghĩa Sơn	A48.43.28
2.9	Đảng ủy xã Nghĩa Thắng	A48.43.29
2.10	Đảng ủy xã Nghĩa Thuận	A48.43.30
2.11	Đảng ủy xã Nghĩa Thương	A48.43.31
2.12	Đảng ủy xã Nghĩa Trung	A48.43.32
2.13	Đảng ủy Thị trấn La Hà	A48.43.33
2.14	Đảng ủy Thị trấn Sông Vệ	A48.43.34
2.15	*Từ 35 đến 99 dự phòng*	

C. MÃ ĐỊNH DANH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP 4: V

Mã định danh cấp 4 do các cơ quan, đơn vị tự quy định theo cấu trúc tại Điều 3 của Quy định này.